TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2021/DS-ST
Ngày: 26/01/2021
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: **Huỳnh Văn Phó**

2/ Ông: **Phạm Thành Trại**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa ông Nguyễn Thành Phục – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 461/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thùy C** ; Sinh năm: 1980
Địa chỉ: Ấp T, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: **Trần Thị Thu L** ; Sinh năm: 1973
Địa chỉ: Ấp ĐB, xả ĐH, huyện CT- Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 11/11/2020 và trong biên bản hòa giải ngày 29/12/2020 cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thùy C trình bày:

Vào ngày 06/10/2019 âm lịch, chị có cho chị Trần Thị Thu L vay số tiền là 29.000.000đồng không tính lãi. Chị L vay để làm nhà, đám cưới cho con gái, thỏa thuận đến ngày 30/12/2019 âm lịch Chị L sẽ trả, có làm biên nhận khi vay. Sau khi vay Chị L trả cho chị được số tiền là 3.000.000đồng, hiện còn nợ lại 26.000.000đồng.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Chị L trả cho chị số tiền là 26.000.000đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Trong biên bản hòa giải ngày 29/12/2020, chị Trần Thị Thu L trình bày:

Chị thừa nhận giấy mượn nợ ngày 06/10/2019 âl với số tiền 29.000.000đồng là do chị viết và ký tên nhưng số tiền này chị không vay một lần mà vào tháng 01/2019 âl chị vay của chị C số tiền 7.000.000đồng, lãi suất 2.100.000đồng/tháng. Đến tháng 5/2019 âl lãi cộng vốn thành 17.000.000đồng, chị trả được

10.000.000đồng, còn nợ lại 7.000.000đồng đến cuối tháng chị mượn thêm 3.000.000đồng. Đến tháng 10/2019 âl chị C cộng lãi và vốn thành 29.000.000đồng, chị có viết và ký vào giấy mượn nợ hứa đến ngày 30/12/20219 âl trả nhưng do lãi quá cao chị không có khả năng trả. Ngày 22/6/2020 chị có trả được số tiền là 3.000.000đồng, hiện còn nợ lại 26.000.000đồng. Nay chị xin trả mỗi tháng 500.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Qua nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, qua tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản". Theo lời trình bày của chị C là chị có cho Chị L vay số tiền là 29.000.000đồng vào ngày 06/10/2019 âl không có lãi, Chị L có viết giấy nợ và hẹn đến ngày 30/12/2019 âl trả nhưng Chị L không thực hiện, đến ngày 22/6/2020 Chị L trả được 3.000.000đồng và hiện còn nợ chị 26.000.000đồng. Chị L thừa nhận giấy mượn tiền ngày 06/10/2019 âl với số tiền là 29.000.000đồng là do chị viết và ký tên, tuy nhiên đây không phải là tiền vốn mà do chị C tính lãi cộng vốn của số tiền chị vay ban đầu 7.000.000đồng từ tháng 01/2019 âl với lãi suất là 2.100.000đồng/tháng thành số tiền là 29.000.000đồng, sau đó chị có trả được 3.000.000đồng và hiện còn nợ số tiền là 26.000.000đồng như chị C trình bày.

[2] Xét lời trình bày của Chị L là số tiền 29.000.000đồng trong giấy mượn nợ ngày 06/10/2019 âl mà chị đã viết và ký tên là có nguồn gốc từ số tiền chị vay ban đầu vào tháng 01/2019 âl với số tiền là 7.000.000đồng, chị C tính lãi 2.100.000đồng/tháng, do lãi quá cao chị không tiền trả nên chị C tính lãi vào vốn và yêu cầu chị viết giấy nợ với số tiền là 29.000.000đồng. Chị C không thừa nhận lời trình này của Chị L, hơn nữa trong giấy mượn nợ ngày 06/10/2019 âl không có nội dung nào thể hiện số tiền 29.000.000đồng là của nhiều khoản tiền vay và nhiều thời gian khác nhau, hơn nữa trong giấy mượn tiền Chị L đã ghi "không có tính lãi". Như vậy ngoài lời khai nại này ra Chị L không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày này của Chị L và nhận định Chị L thực hiện việc vay tiền của chị C vào ngày 06/10/2019 âl với số tiền 29.000.000đồng là thực tế có phát sinh.

[3] Xét yêu cầu của chị C, yêu cầu Chị L trả số tiền 26.000.000đồng không yêu cầu tính lãi, Chị L đồng ý nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng là không phù hợp. Bởi lẽ trong hợp đồng vay tài sản giữa chị C và Chị L, Chị L là người có lỗi, chị đã nhiều lần cam kết trả nợ nhưng không thực hiện nay lại xin trả dần là nhằm kéo dài thời gian thanh toán nợ cho chị C, lời trình bày này không được chị C đồng ý, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận mà cần buộc Chị L có nghĩa vụ trả cho chị C trong một thời gian nhất định.

Về án phí dân sự sơ thẩm Chị L phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 463, 466 và khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thùy C.

1/ Buộc chị Trần Thị Thu L có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thùy C số tiền là 26.000.000đồng, thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị Thu L phải chịu là 1.300.000đồng, hoàn lại cho chị Nguyễn Thùy C số tiền là 725.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003636 ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Kể từ ngày chị C yêu cầu thi hành án, nếu Chị L chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG
- VKSND HCT
- Chi cục THADS HCT
- Các đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trương Thị Tuyết Linh